TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG Số: 163/2020/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gò Công Tây, ngày 29 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 165/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Kim X, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Huỳnh Ngọc H và bà Đỗ Thị Kim X có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị N diện tích 8,9m^2, thuộc thửa số 492, tờ bản đồ số 28, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02052 ngày 12/9/2014 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Lê Thị N, đất tọa lạc tại ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất ông Huỳnh Ngọc H và bà Đỗ Thị Kim X cạnh 25,19m + 0,05m.

+ Tây giáp phần đất còn lại của bà Lê Thị N cạnh 25,15m + 0,14m.

+ Nam giáp phần đất còn lại của bà Lê Thị N cạnh 3,79m + 0,23m.

+ Bắc giáp đường bê tông, đất ông Huỳnh Ngọc H và bà Đỗ Thị Kim X cạnh 0,25m + 3,61m.

(có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

- Ông Huỳnh Ngọc H và bà Đỗ Thị Kim X tự nguyện đập hàng rào trả đất, cụ thể như sau:

+ Hàng rào thứ nhất có kết cấu móng cột bê tông, tường xây gạch cao trên 0,5m, diện tích 0,575m^2 (0,25m x 2,3m);

+ Hàng rào thứ hai kết cấu móng cột bê tông, kéo lưới B40, diện tích 40,464m^2 (25,29m x 1,6m).

- Các bên thỏa thuận: phần lưới B40 giao lại cho ông Huỳnh Ngọc H và bà Đỗ Thị Kim X, phần bê tông cốt thép (sau khi đập hàng rào) giao cho bà Lê Thị N để hai bên quản lý, sử dụng. Bà Lê Thị N có nghĩa vụ giao cho ông H và bà X số tiền 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm nghìn đồng). Hai bên thực hiện trả đất, đập hàng rào, giao tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Do bà N thuộc diện người cao tuổi nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ông H và bà X có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày ông H, bà X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKSND huyện GCT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phan Thị Kiều Oanh